TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ -TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Hải

Bà Trần Thị Đông

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Minh Thưởng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 50 đường B, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Phan T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 20 đường B, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống thì đã hơn 10 năm ông T chơi số đề bị thua, nợ nần chồng chất nên bà luôn phải đứng ra trả nợ cho ông T, bà đã nhiều lần tha thứ cho ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắc, không có hạnh phúc, khổ đau luôn đè lên bà. Ông T đã 2 lần gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn khởi kiện. Nay bà không còn tình cảm với ông T, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị M, sinh năm 1998 và Phan Văn T, sinh năm 2002, hiện các con đã đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phan T trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 09/12/2022:

Ông thống nhất với trình bày của bà A về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và khẳng định hôn nhân của ông và bà A là hoàn toàn tự nguyện. Đối với yêu cầu ly hôn của bà A thì ông không đồng ý, ông chưa chuẩn bị tinh thần cho việc ly hôn, ông muốn sắp xếp một số công việc gia đình và ông muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị M, sinh năm 1998 và Phan Văn T, sinh năm 2002. Hiện các con đã đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn Tuấn chỉ tham gia phiên họp, hòa giải một lần, sau đó đều vắng mặt là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan T đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai và tại các phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Phan T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, nên hôn nhân của bà A và ông T là hợp pháp.

Về nguyên nhân bà A yêu cầu được ly hôn với ông T là trong quá trình chung sống ông T thường xuyên chơi số đề bị thua, nợ nần chồng chất nên bà luôn phải đứng ra trả nợ thay cho ông T, bà đã nhiều lần tha thứ cho ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi, nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân đi vào bế tắc, không còn hạnh phúc, khổ đau luôn đè lên bà, hiện bà không còn tình cảm với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, ông T chỉ đến tham gia phiên hòa giải vào ngày 09/12/2022 và có ý kiến không đồng ý ly hôn với bà A và yêu cầu đoàn tụ. Tuy

nhiên, sau đó ông không đến tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa nên thể hiện ông không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy trước đó ông T đã hai lần gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng sau đó rút đơn khởi kiện. Nay bà A tiếp tục có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà A khẳng định mình không còn tình cảm với ông T và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà A và ông T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho bà A được ly hôn với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà A, ông T đều thống nhất có 02 con chung là Phan Thị M, sinh năm 1998 và Phan Văn T, sinh năm 2002, hiện các con đã đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập nên bà A và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về việc *"Ly hôn"* đối với bị đơn ông Phan T.

Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Phan T.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009893 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Chi cục THA thành phố Tam Kỳ
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Vân